

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC SINH TIỂU HỌC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THÔNG QUA MÔN TOÁN VÀ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Hữu Hậu^{1*}, Phạm Văn Hiền¹

Tóm tắt. Trong dạy học nói chung, dạy học môn Toán và tiếng Việt ở bậc học Tiểu học nói riêng thì đánh giá là bộ phận hợp thành rất quan trọng, một khâu không thể tách rời của quá trình dạy học. Đánh giá đóng vai trò là phản hồi của quá trình dạy và học. Nó có vai trò tích cực trong việc điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy và học của giáo viên, học sinh cùng sự phối kết hợp với các đối tượng liên quan như cha mẹ, môi trường xã hội,... Bài báo này tập trung nghiên cứu các vấn đề: xu hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh theo tiếp cận năng lực; đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học trong quá trình dạy học môn Toán và môn Tiếng Việt hiện nay từ đó đề xuất một số biện pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học theo hướng phát triển năng lực.

Từ khóa: *Đánh giá kết quả học tập, đánh giá lớp học, năng lực.*

1. Đặt vấn đề

Đánh giá kết quả học tập là một phần không thể tách rời của quá trình giáo dục ở trường phổ thông. Kết quả học tập của học sinh được hình thành và chịu tác động từ nhiều yếu tố liên quan, như: chương trình, sách giáo khoa, việc dạy của giáo viên, việc học của học sinh, vấn đề quản lý giáo dục, các dịch vụ giáo dục, ảnh hưởng của gia đình và xã hội tới quá trình giáo dục, dạy học... Vì vậy, để cải thiện vấn đề đánh giá kết quả học tập thì cần phải tác động từ nhiều phía, làm sao để các yếu tố khác luôn có những ảnh hưởng tích cực đến việc học của học sinh, giúp các em luôn chủ động trong việc học tập của mình. Khoa học về đánh giá ở các nước phát triển đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về lý luận và thực tiễn, trong khi ở Việt Nam, chỉ mới quan tâm trong những năm gần đây. Đổi mới đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.

Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu về đánh giá trong và ngoài nước như: Black, Paul, Wiliam, Dylan (1998) [1], nghiên cứu chỉ ra rằng nếu nhận được thông tin phản hồi từ học sinh một cách thường xuyên trong quá trình dạy sẽ làm cho khả năng nhận thức của học sinh về vai trò của họ trong việc tự đánh giá và nhìn nhận kết quả học tập của mình ở trong cả quá trình, cũng như chiến lược dạy học được các giáo viên sử dụng và các chiến lược định hình kết hợp trong phương pháp tiếp cận; Theo Thomas R. Guskey (2003) [2], đưa ra cách giúp giáo viên đánh giá hiệu quả kết quả học tập của người học, cung cấp và hướng dẫn khắc phục hạn chế trong các phương thức đánh giá truyền thống nhằm giúp giáo viên và sinh viên nâng cao chất lượng dạy và học. Hay như

Ngày nhận bài: 17/09/2017. Ngày nhận đăng: 05/11/2017.

¹Trường Đại học Hồng Đức; *e-mail: nguyenhuuhau@hdu.edu.vn.

Lorna Earl, Steven Katz et all (2006) [3], nghiên cứu này làm rõ các vấn đề: Tại sao chúng ta cần thay đổi phương thức đánh giá lớp học?; Thế nào là đánh giá vì sự tiến bộ của người học; Làm thế nào để đánh giá như là quá trình học tập; Làm sao để đánh giá về kết quả học tập”; Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014) [4] thì bàn về lý luận dạy học hiện đại, trong đó phương thức đánh giá trong giáo dục đang có những thay đổi phù hợp hơn với giáo dục hiện đại đó là đi vào đánh giá năng lực người học.

Thực tiễn, đánh giá kết quả học tập của học sinh hiện nay chủ yếu tập trung vào việc đánh giá về những gì mà nhà trường dạy cho học sinh mà chưa thực sự chú trọng vào việc đánh giá những gì học sinh học được (học trong trường, học ở nhà, học ngoài xã hội). Phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh cũng chưa có những đổi mới về căn bản, đánh giá chủ yếu dựa trên mục tiêu (kiến thức, kỹ năng và thái độ), và nội dung trong sách giáo khoa. Cách đánh giá này là nguyên nhân dẫn đến việc học sinh học để đáp ứng yêu cầu kiểm tra chứ không phải là đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, đồng thời cũng làm cho giáo viên trở thành những người thụ động, phụ thuộc, khó có thể phát huy được năng lực giảng dạy.

2. Một số khái niệm liên quan

2.1. Đánh giá

Có rất nhiều quan niệm về đánh giá trong giáo dục, tuy nhiên tùy thuộc vào mục đích đánh giá, cấp độ đánh giá và đối tượng đánh giá mà mỗi quan niệm đều nhấn mạnh hơn vào khía cạnh nào đó của lĩnh vực cần đánh giá.

Theo Từ điển tiếng Việt, đánh giá được hiểu là: Nhận định giá trị. Các kết quả kiểm tra thành tích học tập, rèn luyện của học sinh được thể hiện trong việc đánh giá những thành tích học tập, rèn luyện đó [5]; C.E. Beeby (1997) “đánh giá là sự thu thập và lý giải một cách có hệ thống những bằng chứng dẫn tới sự phán xét về giá trị theo quan điểm hành động”, khái niệm này nhấn mạnh vào khía cạnh giá trị, coi đánh giá là sự thu thập và lý giải một cách có hệ thống những bằng chứng dẫn tới sự phán xét về mặt giá trị; R.Tyler (1984) đánh giá thể hiện ở sự xem xét mức độ thích đáng giữa toàn bộ các thông tin với toàn bộ các tiêu chuẩn tương ứng với mục tiêu xác định, nhằm đưa ra một quyết định “Quá trình đánh giá là chủ yếu là quá trình xác định mức độ thực hiện các mục tiêu của chương trình giáo dục”; Owen & Rogers (1999) “Đánh giá là việc thu thập thông tin một cách hệ thống và đưa ra những nhận định dựa trên cơ sở các thông tin thu được” [6]; Theo Jean-Marie De Ketele (1989), đánh giá có nghĩa là “thu thập một tập hợp thông tin đủ thích hợp, có giá trị và đáng tin cậy và xem xét mức độ phù hợp giữa tập hợp thông tin này và một tập hợp tiêu chí phù hợp với các mục tiêu định ra ban đầu hay đã được điều chỉnh trong quá trình thu thập thông tin nhằm đưa ra một quyết định” [7]. Theo P.E. Griffin (1996): “đánh giá là đưa ra phán quyết về giá trị của một sự kiện, nó bao hàm việc thu thập thông tin sử dụng trong việc định giá của một chương trình, một sản phẩm, một tiến trình, mục tiêu hay tiềm năng ứng dụng của một cách thức đưa ra, nhằm đạt mục đích nhất định” [8]. Theo tác giả Trần Bá Hoàn, đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả của công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất những quyết định để cải thiện thực trạng, điều chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc [9].

Đồng quan điểm với Nguyễn Thị Lan Phương và cộng sự (2013), chúng tôi cho rằng, đánh giá là quá trình thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin để tìm ra các chỉ số về lượng, giá trị hoặc sự quan trọng của nó trong so sánh với mục đích, mục tiêu đã đặt ra từ trước, từ đó đưa ra ý kiến, phán xét, khuyến nghị nhằm giúp cải thiện, nâng cao chất lượng công việc.

2.2. *Đánh giá kết quả học tập*

Theo [11;14], đánh giá kết quả học tập của học sinh là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của học sinh, về tác động và nguyên nhân của tình hình đó, nhằm tạo cơ sở cho những quyết định sư phạm của giáo viên và nhà trường, cho bản thân học sinh để họ học tập tiến bộ hơn.

Theo tác giả Nguyễn Đức Minh (2015), đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập và giải thích một cách hệ thống, kịp thời các thông tin liên quan đến kết quả học tập, thể hiện ở hai phương diện, thứ nhất: kết quả học tập đạt được của học sinh so với kết quả học tập của học sinh khác, thứ hai: kết quả học tập đạt được của học sinh so với mục tiêu giáo dục đã đề ra. Hai phương diện này dẫn đến hai dạng đánh giá khác nhau căn cứ vào mục đích của việc giải thích kết quả đánh giá, đó là đánh giá theo chuẩn và đánh giá theo tiêu chí [12;5].

Trong bài viết này, khái niệm đánh giá kết quả học tập của học sinh được hiểu là: đánh giá kết quả học tập là hoạt động diễn ra trong suốt quá trình dạy học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu học tập thông qua việc thu thập thông tin minh chứng về kết quả học tập của học sinh trong quá trình học tập, qua đó đưa ra những nhận định, phán đoán và quyết định về thành quả học tập của học sinh.

2.3. *Năng lực*

Có rất nhiều định nghĩa về năng lực, do cách tiếp cận từ các góc độ khác nhau, vì thế, chỉ có thể tìm ra các yếu tố cốt lõi mà bất kỳ định nghĩa nào cũng có thể đề cập đến hoặc tìm một định nghĩa thể hiện tương đối đầy đủ các yếu tố của khái niệm.

Có nhiều thuật ngữ khác nhau dùng chỉ khái niệm năng lực chung/ cốt lõi. EU đã tổng kết khái niệm này được sử dụng bằng nhiều thuật ngữ khác nhau, các thuật ngữ sau đây thường thấy trong văn bản chương trình giáo dục phổ thông của nhiều nước: năng lực xuyên chương trình, năng lực chính/ cốt lõi, năng lực nền tảng, năng lực chủ yếu, kỹ năng chính, kỹ năng cốt lõi, năng lực cơ sở, khả năng/ phẩm chất chính, kỹ năng chuyển giao được...

Tham khảo chương trình thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực của các nước có thể thấy 2 loại chính, đó là: Những năng lực chung và năng lực cụ thể, chuyên biệt. Năng lực chung: là năng lực cơ bản, thiết yếu của con người có thể sống và làm việc bình thường trong xã hội. Năng lực này được hình thành và phát triển do nhiều môn học, liên quan đến nhiều môn học. Theo quan niệm của EU, mỗi năng lực chung cần: Góp phần tạo nên kết quả có giá trị cho xã hội và cộng đồng; Giúp cho các cá nhân đáp ứng được những đòi hỏi của một bối cảnh rộng lớn và phức tạp; Chúng có thể không quan trọng với các chuyên gia nhưng rất quan trọng với tất cả mọi người. Năng lực cụ thể/ chuyên biệt: là năng lực riêng, được hình thành và phát triển do một lĩnh vực/ môn học nào đó; vì thế chương trình Québec gọi là năng lực môn học cụ thể để phân biệt với năng lực xuyên chương trình (năng lực chung).

Năng lực là tổ hợp các yếu tố tâm - sinh lý, các tri thức và kỹ năng hành động của cá nhân mang lại hiệu quả cao trong việc giải quyết các tình huống cụ thể. Đồng thời năng lực hoạt động của cá nhân cũng được hình thành và phát triển ngay chính trong quá trình giải quyết các tình huống đó. Như vậy, năng lực là một hệ thống được vận hành trong sự tương tác của các đơn vị cấu thành: tri thức và kinh nghiệm về hoạt động, kỹ năng hành động và thái độ tích cực với hoạt động. Tất cả các đơn vị trên đều được triển khai đồng bộ trong việc giải quyết một tình huống cụ thể. Chính trong quá trình giải quyết tình huống thực tế đó, các tri thức, kinh nghiệm về hoạt động, kỹ năng hành động và các yếu tố tâm lý khác được hình thành và bổ sung cho nhau tạo thành năng lực.

John Erpenbeck (1998): “năng lực được xây dựng trên cơ sở tri thức, thiết lập qua giá trị, cấu trúc như là các khả năng, hình thành qua trải nghiệm/củng cố qua kinh nghiệm, hiện thực hóa qua ý chí”; Weinert (2001): “năng lực là các khả năng và kỹ năng nhận thức vốn có ở cá nhân hay có thể học được... để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Năng lực cũng hàm chứa trong nó tính sẵn sàng hành động, động cơ, ý chí và trách nhiệm xã hội để có thể sử dụng một cách thành công và có trách nhiệm các giải pháp... trong những tình huống thay đổi” [13].

3. Xu hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh theo tiếp cận năng lực

3.1. Quan niệm về đổi mới trong đánh giá kết quả học tập của học sinh

Dựa trên đo lường tâm lý, dựa trên bối cảnh và dựa trên cá nhân hóa, đánh giá được chia làm thành ba hình thái, đó là: Hình thái dựa trên đo lường tâm lý: Người ta chú trọng tới những đề thi chuẩn hóa, tham chiếu theo chuẩn, sử dụng trên diện rộng và nhằm mục đích giải trình. Với hình thái này cải thiện tính khách quan trong khâu chấm bài (nếu sử dụng các đề thi trắc nghiệm khách quan), thích hợp trong việc để đánh giá một phạm vi rộng kiến thức và trên một số lượng lớn các đối tượng; Hình thái dựa trên bối cảnh: Hình thái này hướng tới việc đánh giá xác thực, quan tâm nhiều hơn tới công cụ đánh giá mà người giáo viên phải tự thiết kế ở trên lớp, tham chiếu theo tiêu chí, giúp điều chỉnh hoạt động dạy và học, giúp người học tiến bộ; Hình thái dựa trên cá nhân hóa: Hình thái này là sự phát triển thêm lên của hình thái dựa trên bối cảnh; hình thái đánh giá này cũng hướng tới việc đánh giá trong lớp học, gắn bó chặt chẽ với vai trò của người giáo viên, sử dụng bối cảnh thực tế cuộc sống để đưa vào các bài tập. Ở hình thái cá nhân hóa, học sinh cũng có thể được hướng dẫn để tự đánh giá, tự đưa ra những quyết định và xác định mục tiêu cá nhân; điều này có nghĩa là người học được chủ động và tham gia tích cực hơn vào quá trình đánh giá.

Như vậy, xu hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh sẽ tập trung theo các hướng sau:

1. Chuyển sang chủ yếu sử dụng đánh giá kết quả học tập cuối môn học, khóa học (đánh giá tổng kết) nhằm mục đích xếp hạng, phân loại sang sử dụng đa dạng các loại hình đánh giá, coi trọng đánh giá thường xuyên, định kỳ sau từng phần, từng chương nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình giảng dạy và học tập (đánh giá quá trình).
2. Chuyển từ chủ yếu đánh giá kiểm tra kỹ năng sang đánh giá năng lực của người học.
3. Chuyển từ đánh giá một chiều (giáo viên đánh giá), sang đánh giá đa chiều (không chỉ giáo viên đánh giá mà học sinh cùng tham gia đánh giá - tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau).
4. Chuyển đánh giá từ một hoạt động độc lập với quá trình dạy học sang việc tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học, xem đánh giá là một một phương pháp dạy học.
5. Sử dụng công nghệ thông tin trong đánh giá: sử dụng các phần mềm thẩm định các đặc tính đo lường của công cụ (độ tin cậy, độ khó, độ phân biệt, độ giá trị) và sử dụng các mô hình thống kê vào xử lý phân tích, lý giải kết quả đánh giá.

3.2. Phương thức đánh giá kết quả học tập

Phương thức đánh giá kết quả học tập bao gồm nhiều yếu tố cấu thành và để làm rõ phương thức đánh giá chúng ta cần xác định rõ các yếu tố cấu thành đó, như: mục tiêu, nội dung, thời điểm, cách thu thập thông tin, chủ thể đánh giá, cách sử dụng kết quả đánh giá (bảng 1). [14;65 -67]

Bảng 1. Bảng mô tả phương thức đánh giá kết quả học tập

Yếu tố cấu thành	Chỉ báo mô tả
1. Mục tiêu đánh giá kết quả học tập	<ul style="list-style-type: none"> 1.1. Mục tiêu đánh giá kiến thức. 1.2. Mục tiêu đánh giá kỹ năng. 1.3. Mục tiêu đánh giá thái độ. 1.4. Mục tiêu đánh giá năng lực chuyên biệt của môn học. 1.5. Mục tiêu đánh giá năng lực chung. 1.6. Mục tiêu đánh giá trình bày tách rời mục tiêu bài học. 1.7. Mục tiêu đánh giá trình bày tích hợp vào mục tiêu bài học.
2. Thời điểm đánh giá kết quả học tập	<ul style="list-style-type: none"> 2.1. <i>Đánh giá thường xuyên trong bài học</i> <ul style="list-style-type: none"> 2.1.1. Đánh giá tại thời điểm khởi đầu bài học để kết nối kiến thức, kinh nghiệm cũ với kiến thức, kỹ năng, năng lực trong bài học mới. 2.1.2. Đánh giá trong học sau từng hoạt động học tập của học sinh để xác nhận mức độ đạt yêu cầu của học sinh về kiến thức, kỹ năng và năng lực. 2.1.3. Đánh giá tại thời điểm cuối bài học để củng cố kiến thức, kỹ năng, năng lực. 2.1.4. Đánh giá sau bài học để xác nhận mức độ bền vững của kiến thức, kỹ năng, năng lực. 2.2. <i>Đánh giá sau một giai đoạn học tập (cuối chương, sau nửa học kỳ, sau một học kỳ, sau một năm học)</i> <ul style="list-style-type: none"> 2.2.1. Đánh giá bằng các câu hỏi, bài học ôn tập cuối chương. 2.2.2. Đánh giá bằng bài ôn tập giữa học kỳ. 2.2.3. Đánh giá bằng bài ôn tập cuối học kỳ, cuối năm. 2.2.4. Đánh giá bằng đề kiểm tra thử (đề kiểm tra viết và vấn đáp).
3. Nội dung đánh giá kết quả học tập	<ul style="list-style-type: none"> 3.1. Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ đánh giá thể hiện kiến thức cốt lõi của môn học nêu trong chương trình. 3.2. Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ đánh giá thể hiện kỹ năng cốt lõi của môn học nêu trong chương trình. 3.3. Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ đánh giá thể hiện năng lực chuyên biệt của môn học nêu trong chương trình. 3.4. Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ đánh giá thể hiện năng lực chung nêu chương trình môn học.
4. Công cụ đánh giá kết quả học tập	<ul style="list-style-type: none"> 4.1. Câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời miệng. 4.2. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan. 4.3. Bài tập thực hành cho cá nhân (tự luận). 4.4. Bài tập thực hành cho nhóm. 4.5. Báo cáo của cá nhân hoặc báo cáo của nhóm. 4.6. Bảng kiểm (dùng liệt kê kiến thức, kỹ năng, thao tác...). 4.7. Phiếu quan sát. 4.8. Hồ sơ học tập. 4.9. Dự án nhỏ...

<p>5. Nguyên tắc đánh giá kết quả học tập</p>	<p><i>5.1. Đánh giá thể hiện nguyên tắc dạy học tập trung vào học sinh</i></p> <p>5.1.1. Đánh giá thúc đẩy học sinh học tập cá nhân.</p> <p>5.1.2. Đánh giá thúc đẩy học sinh học tập tương tác nhóm, lớp.</p> <p>5.1.3. Đánh giá bằng các nhiệm vụ tạo cơ hội để học sinh giải quyết vấn đề.</p> <p>5.1.4. Đánh giá bằng các nhiệm vụ được thực hiện trong bối cảnh của cuộc sống thực học sinh đang trải nghiệm.</p> <p><i>5.2. Đánh giá thể hiện nguyên tắc tích hợp</i></p> <p>5.2.1. Công cụ đánh giá tích hợp đánh giá kiến thức với đánh giá kỹ năng, đánh giá năng lực.</p> <p>5.2.2. Công cụ đánh giá tích hợp đánh giá năng lực chuyên biệt của môn học với đánh giá năng lực có trong chương trình môn học.</p> <p><i>5.3. Đánh giá thể hiện nguyên tắc phân hóa</i></p> <p>5.3.1. Có câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ đánh giá dành học học sinh có học lực yếu.</p> <p>5.3.2. Có câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ đánh giá dành cho học sinh có học lực trung bình.</p> <p>5.3.3. Có câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ đánh giá dành cho học sinh có học lực khá giỏi.</p>
<p>6. Chủ thể đánh giá kết quả học tập</p>	<p><i>6.1. Giáo viên thực hiện đánh giá</i></p> <p>6.1.1. Giáo viên thực hiện đánh giá bằng các câu hỏi, bài tập và những công cụ đánh giá khác có trong sách giáo khoa.</p> <p>6.1.2. Giáo viên thực hiện đánh giá bằng những ý kiến phản hồi về kết quả học tập của học sinh (nhận xét của giáo viên).</p> <p><i>6.2. Học sinh thực hiện đánh giá</i></p> <p>6.2.1. Học sinh tự đánh giá kết quả học tập của mình bằng các bảng hỏi, bằng việc rà soát kết quả học tập mà mình đạt được theo hướng dẫn của giáo viên.</p> <p>6.2.2. Học sinh đánh giá kết quả học tập của bạn bằng ý kiến phản hồi.</p> <p><i>6.3. Phụ huynh thực hiện đánh giá: Phụ huynh phản hồi về kết quả học tập của học sinh qua các nhiệm vụ học tập học sinh làm ở nhà</i></p>
<p>7. Sử dụng kết quả đánh giá</p>	<p><i>7.1. Giáo viên sử dụng kết quả đánh giá để xác nhận thành tích học tập của học sinh</i></p> <p>7.1.1. Xác nhận những kiến thức, kỹ năng, năng lực học sinh đạt được.</p> <p>7.1.2. Xác nhận những kiến thức, kỹ năng, năng lực học sinh chưa đạt được.</p> <p><i>7.2. Giáo viên dùng kết quả đánh giá để hỗ trợ và thúc đẩy việc học của học sinh</i></p> <p>7.2.1. Giáo viên phân tích nguyên nhân dẫn đến sai lầm trong kết quả của học sinh.</p> <p>7.2.2. Giáo viên chỉ dẫn cho học sinh những việc cần làm để khắc phục sai lầm (luyện tập thêm, học lại các kiến thức cốt lõi,...)</p> <p><i>7.3. Giáo viên dùng kết quả để điều chỉnh các yếu tố trong quá trình dạy học</i></p> <p>7.3.1. Giáo viên điều chỉnh loại câu hỏi, bài tập và số lượng câu hỏi, bài tập dùng để luyện tập cho học sinh trong từng hoạt động</p> <p>7.3.2. Giáo viên điều chỉnh cách tổ chức hoạt động học tập cho phù hợp với học sinh từng lớp.</p> <p>7.3.3. Giáo viên ghi lại các ý kiến đề xuất điều chỉnh nội dung dạy học, cách thức đánh giá kết quả học tập chưa phù hợp trong sách giáo khoa cho cấp quản lý chuyên môn.</p>

4. Đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học trong quá trình dạy học môn Toán và môn Tiếng Việt hiện nay

4.1. Mục tiêu đánh giá

Trong Sách giáo khoa môn Toán và Tiếng Việt ở bậc tiểu học mỗi bài học hoặc mỗi chương đều có những yêu cầu cần đạt của học sinh về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ cụ thể. Tuy nhiên, sách giáo khoa lại không đưa ra mục tiêu đánh giá sau mỗi bài học mà mục tiêu đánh giá được lồng ghép vào mục tiêu của bài học được nêu trong sách giáo viên. Theo chỉ dẫn trong sách giáo viên, giáo viên tự xác định mục tiêu bài học và mục tiêu đánh giá kết quả học tập sau mỗi bài học.

Ví dụ 1: Sách giáo khoa Tiếng Việt 1, tập 1, bài 8, mục tiêu của bài học: Học sinh biết đọc và viết âm l, h, e, ê; biết đánh vần và đọc được các âm tiết từ các chữ cái trên kết hợp với các dấu thanh khác nhau; mục tiêu đánh giá kết quả học tập sau bài học: học sinh đọc và viết được âm l, h, e, ê; đánh vần, đọc trơn và viết được các âm tiết lê, hè, lè, lể, he, he; sách giáo khoa Toán 2, tập 1, bài: Số hạng - Tổng, mục tiêu của bài học: học sinh nhận biết được đâu là số hạng và đâu là tổng trong phép tính cộng và biết cách đặt và thực hiện phép tính dọc, mục tiêu đánh giá kết quả học tập: học sinh đặt tính và thực hiện đúng các phép tính dọc số có 2 chữ số trong phạm vi 100.

4.2. Thời điểm đánh giá

Hoạt động đánh giá kết quả học tập được thực hiện trong hầu hết các thời điểm của bài học, như: khởi động bài học, học kiến thức, kỹ năng mới, tổng kết bài học. Hoạt động đánh giá còn được thực hiện sau mỗi giai đoạn học tập, như: kết thúc một chủ đề, kết thúc chương, giữa học kỳ, kết thúc học kỳ, kết thúc năm học, kết thúc cấp học.

4.2.1. Đánh giá thường xuyên trong bài học

a. Đánh giá ở thời điểm khởi động bài học

Đánh giá ở bước khởi đầu bài học được thể hiện chủ yếu trong hoạt động của giáo viên kiểm tra bài học cũ bằng các câu hỏi, nhiệm vụ và yêu cầu học sinh trả lời miệng hoặc thực hành làm các bài tập theo câu hỏi và bài hỗ trợ trong sách giáo khoa.

Môn Tiếng Việt: Nội dung đánh giá ở bước khởi đầu bài học là những kiến thức, kỹ năng về tiếng Việt, như: Kiến thức về từ và câu, kỹ năng đọc, viết, nghe và nói... Công cụ đánh giá chủ yếu gồm các câu hỏi, nhiệm vụ kiểm tra bài học trước do giáo viên đưa ra để từng học sinh thực hiện; sau đó giáo viên hoặc học sinh khác phản hồi ý kiến về bài làm của học sinh đã trả lời câu hỏi hoặc thực hiện nhiệm vụ. Những câu hỏi và nhiệm vụ này được nêu chủ yếu trong sách giáo viên, đây chính là những câu hỏi, nhiệm vụ được nêu trong bài học trước trong sách giáo khoa.

Ví dụ 2: Mở đầu bài tập đọc “Quang cảnh làng mạc ngày mùa” (tuần 1, Tiếng Việt 5) có bài tập đánh giá kết quả học tập bài trước như sau: 2 đến 3 học sinh học thuộc lòng đoạn văn (đã xác định) trong bài “Thư gửi các học sinh của Bác Hồ” và trả lời 2 đến 3 câu hỏi về nội dung lá thư. Môn Toán: Nội dung đánh giá ở bước khởi đầu là học sinh thực hiện được tốt hay chưa tốt nội dung đã học ở bài trước đó, chẳng hạn, trước khi học bài mới: Số trừ, số bị trừ, hiệu (sách giáo khoa Lớp 2, tập 1), giáo viên đánh giá nội dung bài trước bằng cách yêu cầu học sinh thực hiện phép tính cộng: số hạng, số hạng, tổng.

b. Đánh giá trong và sau từng hoạt động

Trong Sách giáo khoa môn Toán và tiếng Việt thể hiện cụ thể việc đánh giá kết quả học tập ở từng hoạt động. Trong mỗi hoạt động thường có ít nhất một câu hỏi, bài tập dùng để đánh giá kiến

thức, kỹ năng của học sinh.

Môn Tiếng Việt: Sau mỗi hoạt động nhận biết kiến thức về tiếng Việt, thực hành kỹ năng đọc hoặc viết, nghe và nói đều có những câu hỏi để đánh giá mức độ nhận biết kiến thức và mức độ thành thạo kỹ năng.

Môn Toán: Trong các bài học, trong mỗi nội dung hoạt động đều có đánh giá bởi ít nhất một đến 2 câu hỏi, bài tập; thường là kiểm tra việc vận dụng các kiến thức, kỹ năng về toán trước đó để kiến thiết kiến thức, kỹ năng mới hoặc đánh giá mức độ nhận thức nội dung kiến thức, kỹ năng mới trong hoạt động đó.

c. Đánh giá ở thời điểm cuối bài

Cuối mỗi bài học luôn có các câu hỏi, bài tập nhằm đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài đó cũng như từng nội dung về kiến thức, kỹ năng trong hệ thống các bài tập sau mỗi bài học.

Môn Tiếng Việt: Nội dung đánh giá cuối bài giúp củng cố kiến thức, kỹ năng mới trong bài. Có những công cụ đánh giá cuối bài, gồm: Nhiệm vụ giao cho học sinh ngoài giờ học

Ví dụ 3: học sinh về nhà tiếp tục luyện đọc bài văn để biết đọc đúng bảng thống kê (trang 64, Sách Giáo viên tiếng Việt 5, tập 1); học sinh về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe (trang 141, Sách Giáo viên tiếng Việt 5, tập 1).

Bài tập tự luận để học sinh nhắc lại kiến thức mới trong bài:

Ví dụ 4: học sinh nói lại tác dụng của cách dùng từ đồng âm để chơi chữ (trang 148, Sách Giáo viên tiếng Việt 5, tập 1); học sinh nói tác dụng của việc quan sát và chọn lọc chi tiết miêu tả (trang 248, Sách Giáo viên tiếng Việt 5, tập 1).

Môn Toán: Số lượng các bài tập này trong mỗi bài học có khoảng từ 3 đến 10 bài. Bên cạnh đó, một số bài học còn có bài học luyện tập các kiến thức, kỹ năng, phương pháp có thể đánh giá mức độ nhận thức của học sinh sâu hơn.

4.2.2. Đánh giá sau từng giai đoạn học tập

Sách giáo khoa môn Toán, tiếng Việt ở tiểu học đều có hoạt động đánh giá sau từng giai đoạn học tập, cụ thể là đánh giá sau mỗi chương, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ và đánh giá cuối năm. Đồng thời ở cuối bài học đều có hoạt động đánh giá đó là các câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời nhanh nhằm nhắc lại và củng cố kiến thức của bài học, các bài tập thực hành nhằm củng cố kiến thức và luyện tập các kỹ năng mới.

Ví dụ 5: Môn tiếng Việt, ở một số bài tập làm văn yêu cầu viết văn bản, đơn, thư, biên bản, chương trình hoạt động có bài tập “đánh giá năng lực viết văn bản đáp ứng một tình huống có thực trong đời sống”; Môn Toán: sau mỗi bài thường có từ 5 đến 7 bài tập để học sinh luyện tập, qua đó học sinh tự đánh giá và giáo viên đánh giá được học sinh qua việc làm bài của học sinh ở nhà.

4.2.3. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá kết quả học tập của học sinh trong sách giáo khoa môn Toán, tiếng Việt ở tiểu học chủ yếu đánh giá những kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực học sinh, cụ thể như:

- Môn tiếng Việt: Nội dung đánh giá bao gồm: Kiến thức tiếng Việt, kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, văn bản, một số quy tắc về thực hành tiếng Việt; kỹ năng đọc, viết, nghe và nói; năng lực tiếng Việt, như: năng lực viết đáp ứng nhiệm vụ giao tiếp có thực trong đời sống xã hội, như: đơn, thư, biên bản chương trình hoạt động, bài luận đơn giản về một số vấn đề xã hội hoặc vấn đề về tự nhiên; Phát biểu theo chủ đề và phát biểu tự do có đặt ra về yêu cầu học sinh huy động kiến

thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề có trong thực tiễn, như: giới thiệu về gia đình, lớp học, nhà trường...

- Môn Toán: Nội dung đánh giá bao gồm, kiến thức, kỹ năng, năng lực được quy định trong chuẩn kiến thức, kỹ năng trong sách giáo khoa theo từng chủ đề liên quan đến mạch kiến thức cơ bản là: số, đại số, hình học; kỹ năng: kĩ năng tính toán, biến đổi, suy luận...; năng lực: các bài tập, câu hỏi đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tế đời sống, cũng như nhằm phát triển năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ toán có nhưng rất ít, chẳng hạn, trong Toán 5, đánh giá về năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết các vấn đề trong đời sống thực tiễn thường chỉ có 1 bài cuối cùng trong số các bài tập trong mỗi bài học.

4.2.4. Công cụ đánh giá

Sách giáo khoa môn tiếng Việt, môn Toán ở tiểu học có nhiều loại công cụ đánh giá kết quả học tập, chủ yếu là các câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan; môn tiếng Việt có nhiều công cụ hơn môn Toán. Tuy nhiên, lại có rất ít những công cụ đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các nhiệm vụ trong thực tiễn đời sống. Một số minh họa cụ thể như:

Môn tiếng Việt: có các công cụ, như câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời miệng, câu hỏi trắc nghiệm khách quan, phiếu bài tập, trò chơi, hồ sơ học tập cá nhân, nhóm, bài viết hoàn chỉnh về một chủ đề, câu hỏi ôn tập, ý kiến phản hồi, đề kiểm tra viết. Chẳng hạn, câu hỏi để học sinh trả lời nhanh nhằm đánh giá mức độ hiểu kiến thức, mức độ thành thạo kỹ năng của học sinh.

Ví dụ 6: Đọc diễn cảm khổ thơ đầu để thể hiện tâm trạng của chú Mo-ri-xon và bé Ê-mê-li; em có suy nghĩ gì về hành động của chú Mo-ri-xon? (trang 50, tiếng Việt 5, tập 1); Bài tập tự luận nhằm đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực viết của học sinh, chẳng hạn, đề bài yêu cầu “giả sử em là của nhân vật bạn nhỏ (trong truyện “Người gác rừng tí hon”), em hãy nêu nhận xét về bạn nhỏ và tìm dẫn chứng minh họa cho nhận xét của em (trang 173, tiếng Việt5, tập 1).

Môn Toán: Công cụ đánh giá cũng khá đa dạng, như: điền số thích hợp vào ô vuông, điền từ vào chỗ trống, tìm chỗ sai trong lời giải, các bài tập trắc nghiệm khách quan, các bài tập tự luận. Tuy nhiên, các câu hỏi ở trong sách giáo khoa thường rất ít như trong Toán 5 không có; các câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh quan sát hoặc ghi chép các kết quả hoạt động rồi yêu cầu học sinh tự rút ra kiến thức của bài học không có.

4.2.5. Nguyên tắc đánh giá

Nguyên tắc lấy người học làm trung tâm. Sách giáo khoa môn Toán, tiếng Việt ở tiểu học có khuyến khích học sinh học tập tích cực, độc lập, sáng tạo thông qua các hoạt động đánh giá. Việc thông qua giải các bài tập có nội dung phong phú, ngoài việc giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy, học sinh còn được nâng cao mặt bằng văn hóa chung. Mặt khác, để giúp học sinh tiểu học tự học, trong sách giáo khoa còn có các gợi ý để học sinh tự đọc hiểu, tự làm các bài tập và có các trò chơi giúp học sinh học tập hứng thú hơn.

Nguyên tắc đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh. Đây là nguyên tắc thể hiện sự phân hóa, sách giáo khoa môn toán, tiếng Việt ở tiểu học đã có các công cụ đánh giá thể hiện rõ tính chất phân hóa tích cực, tức là có những bài tập, câu hỏi lựa chọn dành cho học sinh trung bình, khá, giỏi để các học sinh này có cơ hội thể hiện khả năng học tập của mình. Tuy nhiên, những bài tập, câu hỏi này còn ít, không xuất hiện thường xuyên trong nhiều công cụ, do đó tính chất phân hóa trong nội dung đánh giá ở tiểu học vẫn còn mờ nhạt.

Nguyên tắc tích hợp. Sách giáo khoa môn Toán, tiếng Việt ở tiểu học đã thể hiện được tính

chất tích hợp trong các nội dung đánh giá ở những mức độ khác nhau, cụ thể như tích hợp kiến thức, kỹ năng trong môn học, tích hợp kỹ năng của môn học với các môn học khác và các vấn đề của cuộc sống.

- Đối với môn tiếng Việt, đã có tích hợp các nội dung đánh giá như: Tích hợp đánh giá kỹ năng với kỹ năng nghe, nói, như đọc văn bản và rút ra những câu, đoạn chứa từ vựng, ngữ pháp cần học; Tích hợp giữa kỹ năng đọc với kỹ năng viết, như: đọc văn bản, viết bài phát triển hoặc bàn luận về một vấn đề trong văn bản; Tích hợp giữa kiến thức về từ và câu với kỹ năng viết, như: viết đoạn hoặc bài văn có sử dụng các kiến thức về từ, về biện pháp tu từ, về câu, về cấu trúc văn bản được học; Tích hợp giữa các kiến thức về tự nhiên và xã hội với kỹ năng viết trong đánh giá với những bài viết về một chủ đề tự nhiên hoặc xã hội.

- Đối với môn Toán: Nội dung đánh giá thường chủ yếu tập trung vào đánh giá kiến thức, kỹ năng. Tuy nhiên, có một số câu hỏi, bài tập có thể hiện tính chất liên môn, gắn với thực tiễn, chẳng hạn, em hãy quan sát, ước lượng và tính chu vi khu vườn nhà em?

4.2.6. *Chủ thể đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá*

Sách Giáo khoa môn Toán, tiếng Việt ở tiểu học đã thể hiện 2 chủ thể của hoạt động đánh giá kết quả học tập là giáo viên và học sinh. giáo viên thực hiện đánh giá qua việc đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh trả lời miệng, câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi tự luận, câu hỏi mở, phiếu học tập hoặc phiếu bài tập, hồ sơ học tập, câu hỏi ôn tập, đề kiểm tra viết, nêu ý kiến phản hồi bài làm của học sinh. Học sinh thực hiện đánh giá qua việc tự rà soát câu trả lời của mình hoặc thông qua phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên; nêu ý kiến phản hồi về bài làm của bạn hoặc của nhóm, xác nhận kết quả chơi trong các trò chơi học tập.

Tuy nhiên, sách giáo khoa chưa thể hiện rõ việc tạo điều kiện để các chủ thể khác tham gia vào việc đánh giá kết quả học tập của học sinh, như: phụ huynh, các thành viên cộng đồng; trong khi đó đánh giá năng lực thì rất cần những chủ thể này tham gia cùng đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Kết quả đánh giá thể hiện qua sách giáo khoa môn tiếng Việt, Toán ở tiểu học chủ yếu sử dụng vào việc phân loại học lực của học sinh. Một số nhận xét, ý kiến phản hồi của giáo viên trong quá trình học tập, đánh giá sẽ giúp học sinh nhận thức được những điều mình đạt được, chưa đạt được theo chuẩn kiến thức, kỹ năng để từ đó học sinh tự hoàn thiện kiến thức, kỹ năng của mình. Tuy nhiên, sách giáo khoa không thể hiện rõ được những gợi ý sử dụng kết quả đánh giá để giáo viên điều chỉnh việc dạy, học sinh điều chỉnh việc học, phân loại học sinh, nhóm học sinh trong lớp và trợ giúp việc dạy học phân hóa trong mỗi bài học.

4.2.7. *Một số nhận định*

** Ưu điểm*

Trong sách giáo khoa hiện hành thể hiện rõ những câu hỏi, bài tập và một số công cụ đánh giá ở từng hoạt động nhằm đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua từng nội dung mới của bài học.

Các bài tập, câu hỏi, các đề kiểm tra trong sách giáo khoa cũng rất đa dạng để giáo viên có thể sử dụng làm mẫu để biên soạn các công cụ đánh giá kết quả học tập học sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch dạy học.

Sách giáo khoa cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản và có những nội dung học tập có tính chất liên môn và có nội dung thực tiễn, đồng thời góp phần thực hiện đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh bằng cách định hướng thực hiện đánh giá (có khuyến khích học

sinh tự đánh giá) theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; học sinh sớm được làm quen với các công cụ đánh giá, như: một số bài tập truyền thống, một số dạng bài tập trắc nghiệm phù hợp với nội dung học tập và trình độ nhận thức của học sinh trong lớp, một số dạng bài tập rèn luyện tính linh hoạt cho học sinh, một số bài tập có nội dung thực tiễn...

Chẳng hạn, đối với môn Toán, việc xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập trong bài, cuối mỗi bài, mỗi chương; có những câu hỏi, bài tập nhỏ nhằm tái hiện, gợi mở, củng cố, luyện tập giúp học sinh vận dụng trực tiếp kiến thức vào bài học ngay trên lớp; có những bài tập rèn luyện cho học sinh kỹ năng tính toán, kỹ năng suy luận, kỹ năng vẽ hình, kỹ năng vận dụng những kiến thức toán học vào thực tế đời sống và các môn học khác.

Nhiều bài học trong sách giáo khoa được biên soạn để giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động phát hiện và giải quyết vấn đề của bài học (học theo cá nhân, theo nhóm nhỏ, theo lớp). Giáo viên được khuyến khích lựa chọn nội dung, chủ động và sáng tạo khi chuẩn bị bài dạy; vừa cố gắng thực hiện mục tiêu bài dạy, vừa linh hoạt trong tổ chức và hướng dẫn học sinh học tập theo năng lực của từng đối tượng học sinh cụ thể.

Trong sách giáo khoa đã chú ý coi trọng các yếu tố trình bày, chú ý tạo tình huống có vấn đề, hướng dẫn học sinh tự tìm ra kiến thức mới, góp phần rèn luyện năng lực tự học.

** Tồn tại*

Sách giáo khoa môn Toán, tiếng Việt ở tiểu học chưa thể hiện những hoạt động đánh giá các kiến thức, kỹ năng đã có của học sinh liên quan đến bài học mới để khởi động, gợi mở, khuyến khích học sinh trước khi tiếp thu bài mới. Trong quá trình học bài mới chưa có những công cụ đánh giá có ưu thế để đánh giá kỹ năng, năng lực của học sinh, như: phiếu quan sát, bảng kiểm, phiếu đánh giá; còn thiếu các công cụ đánh giá kỹ năng suy luận, tự đánh giá, tự vận dụng, thiếu các công cụ để học sinh tự chọn nhằm thể hiện khả năng học tập cá nhân (công cụ đánh giá phân hóa).

Chưa quan tâm đến những chỉ dẫn sự phạm để sử dụng kết quả đánh giá vào mục đích giúp học sinh tự hoàn thiện kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực đã học. Một số kỹ thuật khi biên soạn các công cụ đôi lúc còn chưa đảm bảo, tính phân hóa trong các công cụ đánh giá chưa đủ so với yêu cầu của hoạt động đánh giá. Nội dung đánh giá năng lực chưa được thể hiện nhiều, đặc biệt là năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn đời sống.

Chưa quan tâm thích đáng đến vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy học, sự phối hợp chưa rõ mục đích của dạy học tích hợp và giúp học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng của nhiều lĩnh vực học tập để phát hiện và giải quyết vấn đề có thực trong đời sống.

Việc phân tích, sử dụng kết quả đánh giá cũng chưa rõ ràng, sự hỗ trợ cho giáo viên, học sinh trong việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh việc dạy, học, phân loại học sinh, hỗ trợ dạy học phân hóa.

Chẳng hạn, môn tiếng Việt thiếu các công cụ đánh giá năng lực đọc, năng lực viết, năng lực văn hóa, như bài tập tự đọc, bài tập dự án, bài tập trình bày quan điểm tự do trong thảo luận, tranh luận bằng nói và viết. Môn Toán chưa làm rõ được mối liên hệ giữa toán học với thực tiễn đời nhằm bồi dưỡng cho học sinh vận dụng kiến thức toán vào việc học tập các môn học khác, cũng như trong đời sống; có những bài toán có liên quan đến thực tiễn nhưng lại ít tính thực tế, đề bài quá dài, mất nhiều thời gian cho học sinh làm hoặc chữa bài trên lớp.

5. Một số biện pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học theo hướng phát triển năng lực

5.1. Xác định mục tiêu và lựa chọn nội dung đánh giá kết quả học tập dựa trên phương diện hình thành và phát triển năng lực cho học sinh tiểu học

Khi xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung dạy học và đánh giá theo quan điểm hình thành và phát triển năng lực học sinh thì ở đó phải có mục tiêu phát triển cho học sinh các năng lực chung và năng lực chuyên biệt để học sinh có tiềm lực phát triển, thích nghi với hoàn cảnh sống, học tập và thực tiễn. Năng lực chung và năng lực chuyên biệt có mối quan hệ tương hỗ, năng lực chuyên biệt vừa là mục tiêu dạy học của các môn học, vừa là “đơn vị thao tác” trong các hoạt động giải quyết các vấn đề ở các chủ đề được tích hợp để từ đó hình thành các năng lực chung.

Như vậy, Mục tiêu đánh giá kết quả học tập học sinh bên cạnh việc đánh giá kiến thức, kỹ năng, năng lực cốt lõi của môn học, cần có mục tiêu đánh giá năng lực chuyên biệt của môn học, từ đó năng lực chung môn học góp phần hình thành và phát triển. Tăng cường nhiều nội dung đánh giá năng lực thể hiện qua các công cụ đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc giải quyết những vấn đề trong học tập và đời sống.

Đối với môn tiếng Việt: cần có những nội dung học tập hướng đến việc phát triển năng lực học sinh, như: năng lực đọc: Đọc (mở rộng) và làm theo chỉ dẫn trên nhãn hàng hóa, đọc quảng cáo để làm theo hoặc lựa chọn hàng hóa; năng lực viết: Viết văn bản vật dụng, văn bản nghệ thuật (sáng tạo câu chuyện ngắn dựa trên cốt truyện đã biết hoặc cốt truyện tự sáng tạo); năng lực nghe và nói: Kể lại những điều đã nghe và thích thú trong các bài phát biểu, các chương trình phát thanh và truyền hình mà học sinh đã được nghe và được xem; năng lực giao tiếp tổng hợp theo chủ đề: thuyết trình một vấn đề, thuyết phục một người làm một việc gì đó, dẫn chương trình giải trí nhỏ...

Đối với môn Toán: Bên cạnh việc hình thành và phát triển cho học sinh năng lực toán học và các năng lực chung, như: năng lực tư duy, năng lực Phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ toán...

Năng lực tư duy: bổ sung và có những nội dung, những hoạt động để giúp học sinh phát triển năng lực tư duy logic, tư duy sáng tạo, tư duy phê phán, phát triển năng lực lập luận theo toán học. Do vậy, phải có những bài tập, câu hỏi mở, những câu hỏi có nhiều câu trả lời, các bài toán đòi hỏi học sinh phải suy luận, chứng minh.

Ví dụ 7: Hãy đưa ra các cặp số có hai chữ số mà tổng hai số đó bằng 48; hãy đưa ra các tính tổng: $292+109$ và giải thích cách làm.

Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề: Cần đưa ra bài toán, câu hỏi để học sinh giải quyết vấn đề, vận dụng kiến thức toán học vào thực tế cuộc sống phù hợp với lứa tuổi của học sinh.

Ví dụ 8: (Toán lớp 2) Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 19 xe máy, ngày thứ hai bán được 16 xe máy. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu xe máy?

Năng lực tự học: Chú trọng đến các nội dung hoạt động, các hướng dẫn để học sinh tự học, tự đánh giá.

Năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ toán học: Cần đưa câu hỏi, bài tập tạo cơ hội cho học sinh sử dụng các ký hiệu toán học một cách phù hợp, thuyết trình và cách giải quyết của mình, thảo luận với các bạn các vấn đề về toán.

Ví dụ 9: (Toán lớp 2) Bạn Nam có 5 cái kẹo, bạn Bình có nhiều hơn bạn Lan 4 cái kẹo. a) Muốn biết bạn Bình có mấy cái kẹo em phải làm phép tính gì? b) Em hãy nói phép tính cần làm?

5.2. *Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập trong quá trình dạy học*

Đánh giá kết quả học tập học sinh theo hướng hình thành và phát triển năng lực thì kế hoạch đánh giá phải thể hiện rõ trong đánh giá trong từng bài học, đánh giá theo tiến trình bài học (khi khởi động bài; học kiến thức, kỹ năng, năng lực mới và khi kết thúc) và trong từng hoạt động học tập. Trong quá trình dạy học, giáo viên phải xác định rõ các bước trong quá trình đánh giá, như: xác định mục tiêu, lựa chọn công cụ, thực hiện đánh giá, phân tích và phản hồi kết quả cho học sinh.

Trong kế hoạch đánh giá phải có mục tiêu đánh giá cho mỗi bài học, mục tiêu này được trình bày kết hợp trong mục tiêu của bài học. Mục tiêu bài học bao gồm cả mục tiêu đánh giá được đặt ngay đầu bài học. Chẳng hạn, trong bài phân số (Lớp 4) có thể nêu mục tiêu: Em nhận biết bước đầu về phân số; biết phân số có tử số, mẫu số; biết đọc, viết phân số.

Phải có các hoạt động đánh giá kết quả học tập ở các giai đoạn của tiến trình bài học, gồm: đánh giá khi khởi động bài học, đánh giá khi học từng hoạt động hoặc từng nhóm hoạt động (hoạt động học kiến thức, kỹ năng mới, hoạt động thực hành vận dụng kiến thức, kỹ năng mới trong bối cảnh giả định của các bài tập thực hành), đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng mới vào giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống.

5.3. *Sử dụng đa dạng các công cụ đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết*

Bên cạnh sử dụng các công cụ như câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi tự luận, giáo viên cần tăng cường sử dụng các những câu hỏi, bài tập đánh giá quá trình, với: câu hỏi vấn đáp, câu hỏi yêu cầu trả lời miệng, báo cáo hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, phiếu quan sát, hồ sơ học tập, bài tập về nhà, bài kiểm tra ngắn, ý kiến phản hồi...

Mặt khác, câu hỏi, bài tập cũng phải sắp xếp theo mức độ tăng dần, tạo điều kiện cho đánh giá phát triển và cần có nhiều những bài tập mang tính hoạt động cho học sinh tự học, tự khám phá, học cách học, cách giải quyết vấn đề; nội dung các bài tập cần gắn với các tình huống thực tiễn để khuyến khích khả năng tư duy sáng tạo. Đối với học sinh tiểu học, các câu hỏi, bài tập cần phải kết hợp kênh hình và kênh chữ bởi hình ảnh cũng góp phần làm cho các công cụ đánh giá trở nên hấp dẫn, tạo hứng thú cho học sinh trong quá trình học tập.

Một số công cụ đánh giá cần được quan tâm:

- *Bài tập dự án nhỏ*: yêu cầu học sinh phải làm việc hợp tác với nhóm để tạo ra sản phẩm chung, trong sản phẩm đó học sinh thể hiện được các năng lực đọc, viết, nghe, nói; năng lực thu thập thông tin, năng lực tính toán. Kết quả những bài tập này do học sinh tự đánh giá giữa các nhóm với nhau và có sự trợ giúp của giáo viên tham gia đánh giá.

- *Bài tập vận dụng*: yêu cầu học sinh vận dụng tổng hợp những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn giao tiếp ở nhà trường và cộng đồng. Đây là những bài tập học sinh tự làm cùng các học sinh khác, hoặc cùng cha mẹ, người thân. Kết quả những bài tập này do cha mẹ và cộng đồng cùng đánh giá.

- *Bảng kiểm ở dạng các bảng tổng kết một đơn vị học tập, một chương*: giúp học sinh tự đánh giá kiến thức, kỹ năng mình đã hiểu, rồi cùng các học sinh khác đánh giá kết quả học tập của cá nhân thông qua bảng này. Đối với công cụ này học sinh vừa được khuyến khích học tập hợp tác với bạn, vừa giúp học sinh tự đánh giá.

- *Báo cáo kết quả làm việc nhóm*: đối với môn tiếng Việt đây là công cụ giúp học sinh có cơ hội nói, đọc kết quả, có cơ hội đánh giá kết quả bằng những ý kiến phản hồi, qua đó học sinh vừa tự đánh giá kết quả học tập, vừa tự phát triển được năng lực tiếng Việt. Đối với môn Toán, bao gồm báo cáo thí nghiệm, báo cáo kết quả của một dự án nhỏ, báo cáo kế hoạch làm việc... để học

sinh có cơ hội nói, đọc kết quả, đánh giá kết quả bằng ý kiến phản hồi của bạn và giáo viên. Từ đó, học sinh vừa tự đánh giá được kết quả học tập của mình vừa phát triển năng lực giao tiếp, sử dụng các ngôn ngữ toán học.

5.4. Tạo cơ hội cho học sinh tự đánh giá, phụ huynh và cộng đồng tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh

Bên cạnh chủ thể đánh giá truyền thống là giáo viên thì giáo viên, nhà trường cần tạo nhiều cơ hội cho học sinh tự đánh giá, cơ hội cho phụ huynh và cộng đồng tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh từ những hoạt động của cá nhân, nhóm học sinh, bằng các công cụ đánh giá như: Phiếu quan sát, hồ sơ học tập, bài tập về nhà, bài kiểm tra ngắn, ý kiến phản hồi...

5.5. Đổi mới việc sử dụng kết quả đánh giá

Cần tập trung nhiều vào việc sử dụng kết quả đánh giá như là một kênh thông tin phản hồi quan trọng góp phần điều chỉnh hoạt động học, hoạt động dạy và vào việc xác nhận sự tiến bộ của từng học sinh hơn là tập trung vào việc cho điểm và xếp loại học lực. Những đánh giá trong quá trình dạy học tập trung vào việc cung cấp thông tin cho đánh giá tổng kết, để từ đó giáo viên kết hợp đánh giá quá trình với đánh giá tổng kết mà xếp loại học lực của học sinh.

6. Kết luận

Đánh giá kết quả học tập của học sinh là rất quan trọng nhằm góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động dạy học, khuyến khích học sinh học tập chuyên cần, phát huy tính tích cực, năng động sáng tạo, khả năng tự học của học sinh; xây dựng niềm tin, rèn luyện đạo đức truyền thống Việt Nam, động viên sự tiến bộ của học sinh; thu nhận thông tin cho giáo viên và các cấp quản lý để chỉ đạo, điều chỉnh quá trình dạy học, phối hợp với gia đình và cộng đồng giáo dục học sinh. Chính vì vậy, đổi mới phương thức đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng phát triển năng lực học sinh không thể thiếu những vấn đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Black, Paul, Wiliam, Dylan (1998), *Assessment and classroom learning*, Assessment in education: Principles, policy & practice mar 1998, Vol. 5, Issue 1.
- [2] Thomas R. Guskey (2003), *How classroom assessments improve learning*, Educational Leadership, Vol. 60, No. 5, 2003.
- [3] Lorna Earl and Steven Katz et al (2006), *Rethinking classroom assessment with purpose in mind*, Western and Northern Canadian, Protocol for Collaboration in Education, ISBN 0-7711-3478-9.
- [4] Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2014), *Lý luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [5] *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng, 2005
- [6] Trần Trung Tình, Trịnh Thanh Hải (2016), *Năng lực đánh giá kết quả học tập của học sinh trường THPT*, Tạp chí Quản lý giáo dục 2016, Vol. 8, No. 1.
- [7] Nguyễn Công Khanh (Chủ biên 2014), Nguyễn Vũ Bích Hiền, *Tài liệu kiểm tra đánh giá trong giáo dục (dùng cho cán bộ Quản lý giáo dục)*, Hà Nội.

- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học*.
- [9] Trần Bá Hoàn (1997), *Đánh giá trong giáo dục*, Nxb Giáo dục.
- [10] Nguyễn Thị Lan Phương (Chủ biên 2013), Dương Văn Hưng, Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Lê Thạch, *Đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [11] Hoàng Đức Nhuận, Lê Đức Phúc (1996), *Cơ sở lý luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh phổ thông*, Chương trình khoa học cấp nhà nước KX-07-08, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Đức Minh (Chủ biên 2015), *Đổi mới đánh giá kết quả giáo dục học sinh tiểu học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [13] Trần Trung Tĩnh, Nguyễn Hữu Châu, Trịnh Thanh Hải (2016), *Năng lực của người giáo viên trong lĩnh vực đánh giá kết quả học toán của học sinh - một nghiên cứu lý thuyết*, Tạp chí Tâm lý học, số 7 (208).
- [14] *Kết quả tư vấn các hoạt động chương trình READ và phản hồi của các bên liên quan (quyển 2)*), Hội thảo khoa học, Nghệ An, 8/2013.

ABSTRACT

Assessment and evaluation of primary school pupils' learning outcomes of Mathematics and Vietnamese in the direction of learners' competency development

Assessment and evaluation are considered an all-important and indispensable component of the teaching process in teaching in general as well as in teaching Mathematics and Vietnamese in particular at elementary schools. Assessment and evaluation play a role as the reflection of the teaching and learning process. It has an active role in adjusting not only contents of the curriculum, teaching and learning methods of teachers and pupils, but also the collaboration with related subjects such as parents, social environment, etc. This paper focuses on the following issues: innovation trends of assessing and evaluating students' learning outcomes in the direction of competence based approach; assessing and evaluating primary school students' learning outcomes of Mathematics and Vietnamese nowadays; then propose some measures to assess and evaluate the learning outcomes of primary school pupils in the direction of learners' competency development.

Keywords: *Assessment and evaluation of learning outcomes, competence.*